



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM

SU
Last

tain
Middle

Nguyen
First

Current Address: 62/86 Cách Mạng Tháng Tám - Biên Hòa city South VN

Date of Birth: April 16, 1933 Place of Birth: at Gia Định Province

Previous Occupation (before 1975) Captain - Chief Military Security Group
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 1, 1975 To Jan 22, 1982
Years: 6 Months: 8 Days: 22

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TÀI, CHÂU PHAM</u>	<u>COUSIN</u>
<u>KHIẾT, THANH NGUYỄN</u>	<u>COUSIN</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: July 17, 1990

D. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : SU Tân Nguyễn
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DẶNG THỊ BÔNG	May 20, 1933	wife
Trương Thị NHƯ HOA	Feb 4, 1954	Daughter
NGUYỄN THU HƯƠNG	May 28, 1964	Daughter
DẶNG THANH PHƯƠNG	June 20, 1966	Son
DẶNG TRANG THUỜNG	June 28, 1969	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) NO

Remarks :

ADDITIONAL INFORMATION :

I had cooperated very close with Co A, 5th USSF group (Airborne) APO - San Francisco 96227 in Vietnam, From 1964 till 1973 as chief Security group, taking care of security for US military base and setting up files and records of Vietnamese civilian personnel working for Americans during the term of office of commanding officers LTC Hayes, LTC Campbell etc. 1975 Vietnamese Communist forces took Saigon and put me in jail. By early 1982, I was released due to my serious illness.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

SU
Last

TAN
Middle

NGUYEN
First

Current Address: 62/86 Lech Maog Hong Tien, Binh Hoa City, South VN

Date of Birth: April 16, 1933 Place of Birth: at Gia Dinh Province

Previous Occupation (before 1975) Captain Chief military Security group
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From May 1, 1975 To Jan 22, 1982

Years: 6 Months: 8 Days: 22

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

TAI CHAU PHAM

COUSIN

KHIEP THANH NGUYEN

COUSIN

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: July 17, 1990

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : SU² TAN¹ NGUYEN^{AN}
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
ĐANG THỊ BÔNG	May 20, 1938	wife
TRƯỜNG THỊ NHƯ HOA	Feb 4, 1954	Daughter
NGUYỄN THU HƯƠNG	May 28, 1964	Daughter
ĐANG THANH PHƯƠNG	June 20, 1966	Son
ĐANG TRẦN THUỖ	June 28, 1969	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) no

ADDITIONAL INFORMATION

I had cooperated very close ^{with} Co A, 5th USSF group (Airborne) APO. San Francisco 96227 in Vietnam, From 1964 till 1973 as chief security group, taking care of security for US military base and setting up files and records of Vietnamese civilian personnel working for Americans during the term of office of commanding officers LTC Hayes, LTC Campbell etc. 1975 Vietnamese communist Forces took Saigon and put me in jail. By early 1982 I was released due to my serious illness.

FORMER POLITICAL PRISONERS OF COMMUNIST VIET NAM ASSOCIATION

HỘI CỨU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM
A California Non Profit Corporation/1380287-A501(c)(3) Organization/9581 168025

P.O. BOX 635, Westminster, California 92684-635
13612 YOCKEY STREET, GARDEN GROVE, CA. 92644
Telephone: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYEN TAN SU

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: MALE Date of Birth 16/1/1933 Place of birth at Gia Định Province

(Phái) (Ngày sinh)

3. Last position, Rank, Agency/Unit Captain Chief Military Security Groups Headquarters

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) Third Corps of the Ranger - APC 3k52

B. ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: May 1, 1975 Saigon

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Tân Hiệp - Biên Hòa

(Tên địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps: Jan 22, 1982

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children: DANG THI BONG wife

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Trang Thi Binh Hoa Nguyen Phu Hoa Dang Thanh Phuong - Dang Trang Thuy

3. Address of family: 62/86 Cach Mang Thang Tai, Binh Hoa city, South VN

(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: Occupation:

(Họ và tên)

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☒

(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Yes ☒ No ☐

Date:

(Ngày, tháng, năm)

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

QUÂN NHÂN

Số: 007310



Họ Tên

NGUYỄN-TẤN-SỬ

Cấp bậc

~~Đại-Úy~~

Số quân

52/312.003

Ngày, nơi sinh

16.04.1933

Học-Môn, Gia-Đình

Cha

NGUYỄN-VĂN-NGÔN

Mẹ

NGUYỄN-THỊ-BÌNH

QĐ. 849 A

AH 042698 Dấu vết riêng.

Chấn sọc cách I trên
cánh - út trái.

Số mé số trước số: 0328 301
Ngày, nơi cấp I 2.12.69 Biên-Hồ

KBC 4.125. ngày 5.10.73

Đã được kiểm tra và xác định

Đã được kiểm tra và xác định
Đã được kiểm tra và xác định

Đã được kiểm tra và xác định
Đã được kiểm tra và xác định
Đã được kiểm tra và xác định

Cao : 1th, 67

Loại máu : O RH +

Đã

Đã

Đã

Đã

Đã

Đã

Đã

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

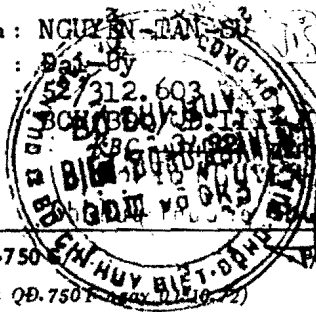
Số: 300.022

Họ và Tên: NGUYỄN-TÂN-SỬ

Cấp bậc: Đại-Úy

Số quân

Đơn vị



01.10.1974

HÀNH-CHUYÊN

ĐƠN-VI GK

MẪU
01.10.74

QĐ-750

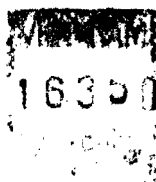
PA.74.TTALAP.O.273

(Thay thế mẫu QĐ.750 F ngày 01.10.72)

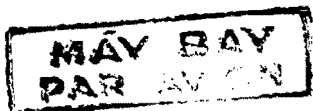
		Hiệu lực đến 30.9.75	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 16.04.1933 Nơi sinh : Học-Môn (Gia-Định) Cha : NGUYỄN-VĂN-NGON Mẹ : NGUYỄN-THỊ-BÌNH Địa-chỉ hiện tại : 333, Tân-Hải (Biển-Hoa) Chữ ký đương-sự 	
	PHẢI			

FROM: NGUYỄN TẤN SỬ
62/86 Cách Mạng Tháng Tám - Breinhon City
Đồng Nai Province

AUG 01 1990



P NO 1 2



TO: Bà Khúc Minh Thảo
P.O. BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635
Telephone: 703-998-7850



VIA AIR MAIL PAR AVION

USA

Biên Hòa, ngày 17-7-1990

Kính gửi: Bà Nhức mình Thô
Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam.

Kính thưa Bà,

Tôi nói dân tiên từ xưa vọng bắt đất gọi đến Bà
lời chúc mừng sức khỏe và vạn sự như ý trong vầng trăng Tháng Bảy.
Sở dĩ có bức thư này gửi đến Bà là do những
người đồng cảnh ngộ như tôi biết Bà và được hỏi Bà phúc đáp về
việc Bà và Hội gia đình tù nhân chính trị tại HKK, hằng đặt điều
về hành vi chính trị cho những người bạn tại Việt Nam đã bị giam
cầm trong các "trại cải tạo" được vào HKK theo chương trình ra đi thật.

Gần đây năm trong trại cải tạo, là lúc các con tôi còn
nhỏ tiếp tục theo hết chương trình trường học, nhưng khi hết cấp (12/12)
thì không thể vượt qua đủ vào Đại học vì những lời phê trong phiếu
thần tra lý lịch tuyển sinh: không thể đào tạo thành phần này trở
nên cán bộ công nhân viên. Từ trước ta vì cha là bị xếp biệt động
quân ngay hay là: không thể tiến chuẩn đào tạo vì cha là thành
phần BQ ngay. Đây là một ví thất quả phết phang cho gia đình tôi
phải chịu trong những năm qua.

Tôi không có ý định tuân sự hạ đi như mọi người,
nếu muốn thì có lẽ năm 1982 tôi đã có quyết ở vùng đất mới. Nhưng đến
nay thì thấy các con tôi quá vất vả viết tiền tiền để đến DEAD về bản tay là
lắm nên tôi cả, với sức người tôi là cũng thành công là các con tôi
xa Hào một ngày, mà gia đình tôi đang ở trong vì thế bất lực!

Tôi cả đặc chưa về thăm phần hạn hẹp địa điểm, tình lao,
bệnh, tế của nhà, do đó nhờ sự hỗ trợ của Bà, hy vọng các con tôi
sẽ tiếp cận kịp thời khoa học hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, mở cửa tương lai
cho các con tôi tại đất nước cổ xưa; và chúng tôi hướng tới những
chắp ghép ra đi vì tương lai của các con tôi.

Xin gửi đến Bà và Hội gia đình tù nhân chính trị ăn năn và cảm ơn.

Nguyễn Tấn Sĩ